

Bản án số: 219/2018/DS-PT

Ngày: 20/9/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Phước Tự.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/9/2018 và ngày 20/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2017/TLPT-DS, ngày 26/12/2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2018/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Văn T - sinh năm: 1958; (Có mặt)

Trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn D - sinh năm 1951; (Có mặt)

Trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn D là bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1952; Trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2015).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Hoàng Đ – Công ty luật hợp danh A – Chi nhánh Đồng Tháp, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị B - sinh năm 1952; (Có mặt)

2. Nguyễn Văn K - sinh năm 1984; (Có mặt)

3. Nguyễn Thị H - sinh năm 1980; (Vắng mặt ngày xử có mặt ngày tuyên án)

4. Nguyễn Thị Trúc L - sinh năm 1986; (Vắng mặt)

5. Nguyễn Thị Kiều X - sinh năm 1989; (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Huỳnh Duy T – sinh năm 1987; (Có mặt)

7. Huỳnh Hiếu T – sinh năm 1992; (Có mặt)

Cùng trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ngân hàng TMCP Đ. (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đồng Tháp;

Địa chỉ: Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

9. Ủy ban nhân dân huyện T. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Minh D – Chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T;

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10. Phạm Thị X (S) (chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị X:*

10.1. Huỳnh Thị T – sinh năm 1965; (Vắng mặt)

Trú tại: ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.2. Huỳnh Thị D – sinh năm 1963; (Vắng mặt)

10.3. Huỳnh Văn T – sinh năm 1987; (Vắng mặt)

10.4. Huỳnh Thị D1 – sinh năm 1967; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10.5. Huỳnh Thị M – sinh năm 1950; (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp Phú M, xã Đồng P, huyện L, tỉnh V.

10.6. Huỳnh Thị V – sinh năm 1965; (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp Phú H, xã Đồng P, huyện L, tỉnh V.

10.7. Huỳnh Thị B – sinh năm 1954; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp Phú H, xã Đồng P, huyện L, tỉnh V.

11. Nguyễn Văn H – sinh năm 1971; (Có mặt)

12. Nguyễn Văn H1 – sinh năm 1975; (Vắng mặt)

13. Nguyễn Thị L – sinh năm 1977; (Có mặt)

14. Nguyễn Văn Tr – sinh năm 1979; (Có mặt).

Cùng trú tại: Ấp 5, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Văn Tr – sinh năm 1960; (Có mặt)

Trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn B – sinh năm 1969; (Có mặt)

Trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn H – sinh năm 1958; (Có mặt)

Trú tại: Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Theo đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và người trong hộ là anh Huỳnh Duy T, anh Huỳnh Hiếu T trình bày: Vào năm 1985 mẹ ông là bà Phạm Thị X có cho ông diện tích 12.000m² có tứ cận đầu trên giáp ông Hai B, đầu dưới giáp ông Hai T, một đầu giáp kênh 1.500, một đầu giáp kênh 1.000. Năm 1987 công trình thủy lợi nội đồng thi công đã cắt phần đất của ông thành 02 phần là bờ Đông và bờ Tây của kênh xáng mức. Phần bờ Đông diện tích là 1.055m² đo thực tế là 1.124m² ông đi đăng ký nhưng Ủy ban nhân dân xã Đốc B không cho với lý do đất có tranh chấp, khi ông vào canh tác thì ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B ngăn cản cho rằng phần đất trên ông D đã nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị X. Tuy nhiên ông cùng với bà X đều xác nhận không có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông D nên yêu cầu ông D trả lại diện tích 1.124m² tại thửa 1090 tờ bản đồ số 2 và yêu cầu được sở hữu toàn bộ số cây tạp có trên đất vì thực tế đất tranh chấp không ai canh tác bị bỏ hoang từ năm 1987 cho đến nay.

Bị đơn Nguyễn Văn D có người đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B cùng các thành viên trong hộ ông D là chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T trình bày: Không đồng ý trả đất cho ông T vì đất này vợ chồng của ông D nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị X vào năm 1986 diện tích 1.445m² giá 40 gia lúa, lúc đó có làm giấy tay, hiện trạng lúc nhận chuyển nhượng là đất bỏ hoang. Năm 1995 ông đã nộp giấy tay cho địa chính xã Đốc B khi đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không đồng ý với yêu cầu của ông Huỳnh Văn T.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phạm Thị X xác định diện tích mà ông T tranh chấp với ông D là của bà X đã cho ông Huỳnh Văn T là đúng, đồng thời giao cho ông T toàn quyền quyết định.

Đại diện Ngân hàng TMCP Đ có ý kiến: Diện tích đất mà hai bên đang tranh chấp, vợ chồng ông D thế chấp để vay tiền của Ngân hàng nhưng diện tích trên không ảnh hưởng gì đến nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến: Sẽ thực hiện theo quyết định và bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 15 của Bộ luật dân sự; Điều 34, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai;

Tuyên xử

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00146/QSĐĐ/A6 diện tích 1.124m^2 đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp của Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/9/1995.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T trả lại diện tích 1.124m^2 đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có sơ đồ ngày 24/8/2017 kèm theo)

Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Huỳnh Văn T diện tích 1.124m^2 đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tứ cận ngang từ mốc 1 đến mốc 2 giáp kênh thủy lợi là 26,22m. Mốc 1 cách trụ cây số 3 là 0,37m, trụ cây số 3 cách cây gáo là 1,83m, cây gáo cách trụ cây số 4 là 4,19m. Mốc 2 cách trụ cây số 2 là 1,72m, trụ số 2 cách cây cà na thứ 1 là 5,36m và mốc 2 cách cây cà na thứ 2 là 4,4m.

Ngang từ mốc 3 đến mốc 4 giáp bờ đất là 32,21m, mốc 3 cách trụ cây số 1 là 3,48m, trụ cây số 1 cách trụ điện là 3,57m và cách cây bạch đàn là 13,46m. Mốc 4 cách cây trụ số 5 là 0,81m, trụ cây số 5 cách trụ điện là 9,36m, cách cây tràm là 11,1m và cách mốc 5 là 9,49m.

Dài từ mốc 1 đến mốc 4 giáp ông Nguyễn Văn B thửa 1091 là 49,87m.

Dài từ mốc 2 đến mốc 3 giáp ông Võ Văn T thửa 1098 là 34,11m.

(Có sơ đồ ngày 24/8/2017 kèm theo)

- Ông Huỳnh Văn T và hộ ông Nguyễn Văn D phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 1.050m^2 , đo đạc thực tế 1.124m^2 , đất (L) tờ bản đồ số 2, thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo luật định.

- Công nhận ông Huỳnh Văn T được sở hữu 01 cây gáo bẻ hoành góc 1,2m, 01 cây gáo bẻ hoành góc 1m, 01 cây gáo bẻ hoành góc 0,3m, 01 bụi gáo có 05 nhánh (lớn bẻ hoành góc 0,15m, nhỏ nhất bẻ hoành 0,10m) 01 bụi gáo có 09 nhánh (lớn bẻ hoành góc 0,20m, nhỏ nhất bẻ hoành 0,10m) 02 cây bạch đàn có bẻ hoành góc 1m, 03 cây bạch đàn có bẻ hoành góc 0,5m, 04 cây bạch đàn có bẻ hoành góc 0,3m, 01 bụi trãi 10 cây, 07 bụi chuối, 01 cây lá cách trên diện tích 1.124m^2 , đất (L) tờ bản đồ số 2, thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có sơ đồ đo đạc ngày 24/8/2017 kèm theo)

- Chi phí Thẩm định tại chỗ và định giá 3.359.000đ ông D phải nộp nên ông D phải trả cho ông T số tiền 3.359.000đ (Ba triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn

H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T phải nộp 3.170.000 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T được nhận lại 1.108.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 17295 ngày 02/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2017 bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Phạm Hoàng Đ đề nghị sửa bản án sơ thẩm với lý do vào năm 1986 ông Nguyễn Văn D đã nhận chuyển nhượng 1.445m² của bà Phạm Thị X là mẹ của ông Huỳnh Văn T với giá là 40 gia lúa, lúc đó có làm giấy tay, hiện trạng lúc nhận chuyển nhượng là đất bỏ hoang. Năm 1995 ông đã nộp giấy tay cho địa chính xã Đốc B và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một cách hợp pháp, việc án sơ thẩm hủy Giấy chứng nhận QSD đất của ông D là vi phạm tố tụng nghiêm trọng nên đề nghị hủy án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc mua bán đất có nhiều người làm chứng biết như: anh Tr, anh B, anh H và anh T, đồng thời Địa chính xã cũng xác nhận có nhận giấy tay nhưng đã thất lạc nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ngày 13 tháng 9 năm 2018 bị đơn Nguyễn Văn D yêu cầu chấm dứt việc ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D thống nhất với lời bào chữa của Luật sư và xác định đất của bị đơn mua của bà X là hợp pháp, đề nghị sửa án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ông xác định mẹ ông là bà Phạm Thị X không có chuyển nhượng đất cho gia đình ông D nên đề nghị y như án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn một số đương sự liên quan và người làm chứng chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án, đề nghị các đương sự phải nghiêm túc chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Phần đất đang tranh chấp có diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại Ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, có nguồn gốc là của bà Phạm Thị X đã được phía nguyên đơn, bị đơn và những người có liên quan, người làm chứng đều xác định. Phía bị đơn trình bày vào năm 1986 bà X đã bán cho bị đơn với giá là 40 gia lúa, khi mua bán có làm giấy tay, đồng thời có nhiều người làm chứng biết, tuy nhiên ông D không đưa ra được tài liệu để chứng minh mà chỉ là lời khai của phía ông D, còn những người làm chứng thì xác định chỉ nghe ông D nói lại chứ không trực tiếp thấy, vì vậy, chứng cứ mà ông D và bà B đưa ra để chứng minh mua diện tích trên của bà X là không có, cho nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn T

là có căn cứ, vì vậy đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị B giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng với khoản 1 Điều 308 BLTTDS.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn T, công nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00146/QSDĐ/A6 diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/9/1995 vì yêu cầu của ông Huỳnh Văn T là có căn cứ.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị B cho rằng diện tích 1.124m² ông D được cấp giấy chứng nhận hợp pháp, vì đất này ông D mua của bà Phạm Thị X (mẹ ông T) năm 1986. Tuy nhiên bà B, ông D và những người trong hộ ông D không có tài liệu chứng minh mà chỉ là lời nói, người làm chứng do bà B, ông D đưa ra không ai trực tiếp thấy mà chỉ nghe ông D nói là mua của bà X đồng thời lời khai trước và lời khai sau của các người làm chứng đều khác nhau có khi khai mua giá 40 gia lúa, có khi khai là trả bằng đồng nợ thuế cho bà X do đó lời làm chứng của những người làm chứng là không khách quan, cho nên kháng cáo của bà Nguyễn Thị B là không có căn cứ cần phải bác là đúng pháp luật.

[2] Xét lời bào chữa của Luật sư cho rằng diện tích đất tranh chấp khi ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B nhận chuyển nhượng từ bà X mẹ ông T có làm giấy tay, khi đi đăng ký ông D đã nộp cho cán bộ Địa chính xã hiện thất lạc nhưng có xác nhận của Địa chính, đồng thời khi ông D vào sử dụng thì không có ai tranh cản, gia đình ông D sử dụng liên tục nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà B, sửa án sơ thẩm. Lời bào chữa của Luật sư là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa Phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B giữ y án sơ thẩm vì bà B kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh phần diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là mua của bà X, lời đề nghị này của Viện kiểm sát là phù hợp với thực tế khách quan và đúng với pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Do kháng cáo bị bác toàn bộ nên bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm và chi phí tố tụng như yêu cầu thẩm định đo đạc phát sinh ở giai đoạn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 203, Điều 26, Điều 166 Luật đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 34/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T trả lại diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có sơ đồ ngày 24/8/2017 kèm theo)

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn D vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00146/QSDĐ/A6 diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 12/9/1995.

Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T phải trả cho ông Huỳnh Văn T diện tích 1.124m² đất (L) tờ bản đồ số 2 thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tứ cận ngang từ mốc 1 đến mốc 2 giáp kênh thủy lợi là 26,22m. Mốc 1 cách trụ cây số 3 là 0,37m, trụ cây số 3 cách cây gáo là 1,83m, cây gáo cách trụ cây số 4 là 4,19m. Mốc 2 cách trụ cây số 2 là 1,72m, trụ số 2 cách cây cà na thứ 1 là 5,36m và mốc 2 cách cây cà na thứ 2 là 4,4m.

Ngang từ mốc 3 đến mốc 4 giáp bờ đất là 32,21m, mốc 3 cách trụ cây số 1 là 3,48m, trụ cây số 1 cách trụ điện là 3,57m và cách cây bạch đàn là 13,46m. Mốc 4 cách cây trụ số 5 là 0,81m, trụ cây số 5 cách trụ điện là 9,36m, cách cây tràm là 11,1m và cách mốc 5 là 9,49m.

Dài từ mốc 1 đến mốc 4 giáp ông Nguyễn Văn B thửa 1091 là 49,87m.

Dài từ mốc 2 đến mốc 3 giáp ông Võ Văn T thửa 1098 là 34,11m.

(Có sơ đồ ngày 24/8/2017 kèm theo)

- Ông Huỳnh Văn T và hộ ông Nguyễn Văn D phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 1.050m², đo đạc thực tế 1.124m², đất (L) tờ bản đồ số 2, thửa 1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo luật định.

- Công nhận ông Huỳnh Văn T được sở hữu 01 cây gáo bề hoành gốc 1,2m, 01 cây gáo bề hoành gốc 1m, 01 cây gáo bề hoành gốc 0,3m, 01 bụi gáo có 05 nhánh (lớn bề hoành gốc 0,15m, nhỏ nhất bề hoành 0,10m) 01 bụi gáo có 09 nhánh (lớn bề hoành gốc 0,20m, nhỏ nhất bề hoành 0,10m) 02 cây bạch đàn có bề hoành gốc 1m, 03 cây bạch đàn có bề hoành gốc 0,5m, 04 cây bạch đàn có bề hoành gốc 0,3m, 01 bụi trãi 10 cây, 07 bụi chuối, 01 cây lá cách trên diện tích 1.124m², đất (L) tờ bản đồ số 2, thửa

1090 tọa lạc tại ấp 1, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có sơ đồ đo đạc ngày 24/8/2017 kèm theo)

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Trúc L, chị Nguyễn Thị Kiều X, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T phải nộp 3.170.000 đồng (Ba triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T được nhận lại 1.108.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 17295 ngày 02/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Chi phí Thẩm định tại chỗ và định giá 3.359.000đ ông D phải nộp nên ông D phải trả cho ông T số tiền 3.359.000đ (Ba triệu, ba trăm năm mươi chín ngàn đồng)

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 01606 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T (bà B đã nộp xong án phí phúc thẩm).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ ở giai đoạn cấp phúc thẩm là: 5.745.744 đồng, bà B đã thực hiện xong.

Đối với số tiền hoàn trả khi có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm phần tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Phước Tự

